

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **49** /2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **30** tháng **11** năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý
tổng hợp tài nguyên vùng bờ**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ (sau đây gọi là chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ* là việc hoạch định và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, công cụ điều phối liên ngành, liên vùng để bảo đảm tài nguyên vùng bờ được khai thác, sử dụng hiệu quả, duy trì chức năng và cấu trúc của các hệ sinh thái vùng bờ nhằm phát triển bền vững, góp phần bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. *Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ* là tập hợp các hoạt động quản lý tổng hợp trên một vùng bờ cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định, được thực hiện theo lộ trình từ quy trình lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện, đến đánh giá, điều chỉnh và đề xuất hoàn thiện cho giai đoạn tiếp theo.

3. *Đánh giá hiện trạng vùng bờ* là đánh giá hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ và quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ (bao gồm các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ; bảo vệ môi trường vùng bờ và thể chế, chính sách, pháp luật liên quan) tại một thời điểm nhất định, thông qua các chỉ thị đánh giá được lựa chọn.

4. *Đánh giá kết quả thực hiện chương trình* là đánh giá kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu đề ra, tính hiệu quả, tác động của chương trình thông qua sự thay đổi của tài nguyên, môi trường vùng bờ và hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ dựa trên các đánh giá hiện trạng vùng bờ trước, sau và trong quá trình triển khai chương trình.

5. *Chỉ thị đánh giá chương trình* là sự thể hiện (định tính, định lượng) một yếu tố đặc trưng của chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và liên quan đến các mục tiêu của chương trình.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT LẬP, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ

Điều 4. Quy trình lập chương trình

1. Thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ việc lập chương trình.
2. Đánh giá hiện trạng vùng bờ ở khu vực lập chương trình.
3. Xây dựng đề cương chương trình.
4. Lấy ý kiến về đề cương chương trình.
5. Xây dựng dự thảo chương trình.
6. Lấy ý kiến về dự thảo chương trình.
7. Trình thẩm định, phê duyệt chương trình.

Điều 5. Thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ việc lập chương trình

1. Thông tin, dữ liệu thu thập phải bảo đảm các yêu cầu sau:
 - a) Phải được thu thập từ các nguồn thống kê chính thức, được thừa nhận về mặt pháp lý, bảo đảm độ tin cậy, chính xác;
 - b) Phải được cập nhật mới nhất tính đến thời điểm lập chương trình.
2. Nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ lập chương trình
 - a) Thông tin, dữ liệu từ các Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, của các Bộ, ngành và của các Cục thống kê cấp tỉnh;

b) Thông tin, dữ liệu từ các kết quả quan trắc tài nguyên, môi trường của hệ thống quan trắc tài nguyên, môi trường của thế giới, khu vực, quốc gia, bộ, ngành và địa phương;

c) Thông tin, dữ liệu do các bộ, ngành liên quan và địa phương cung cấp;

d) Thông tin, dữ liệu từ kết quả nghiên cứu, khảo sát phục vụ việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; kết quả của các chương trình nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu;

đ) Thông tin, dữ liệu từ ảnh viễn thám hoặc ảnh hàng không;

e) Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo theo chuyên đề.

3. Thông tin, dữ liệu cần thu thập, tổng hợp bao gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học, bao gồm điều kiện địa chất, địa hình, địa mạo vùng bờ, khí tượng, thủy văn, hải văn; tiềm năng, phân bố các dạng tài nguyên; các khu bảo tồn thiên nhiên, các hệ sinh thái;

b) Thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường, sự cố môi trường và ô nhiễm môi trường, bao gồm hiện trạng các thành phần môi trường không khí, đất, nước, trầm tích; sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người, biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái và biến đổi môi trường nghiêm trọng; các nguồn thải và vùng ô nhiễm ở vùng bờ;

c) Thông tin, dữ liệu về tình hình, diễn biến và rủi ro thiên tai, bao gồm diễn biến đường bờ, tình hình sạt lở, bồi tụ; quy mô, mức độ ảnh hưởng của gió lớn (bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mùa, tố, lốc và các loại thiên tai gió lớn khác), lũ quét, ngập lụt, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến vùng bờ; các loại hình tai biến thiên nhiên khác; thông tin, dữ liệu về các giải pháp phòng, chống, giảm thiểu tác hại do thiên tai gây ra đối với vùng bờ, các công trình bảo vệ bờ biển;

d) Thông tin, dữ liệu về quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của các bộ, ngành và địa phương;

đ) Thông tin, dữ liệu về hiện trạng chính sách, pháp luật, cơ cấu tổ chức, nguồn lực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ, bao gồm: chính sách, pháp luật hiện hành; cơ cấu tổ chức, các nguồn lực; cơ chế phối hợp; các điều ước quốc tế và các thỏa thuận hợp tác khác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có); ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ;

e) Thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội vùng bờ, bao gồm điều kiện kinh tế (cơ sở hạ tầng, các ngành kinh tế ...); đặc điểm văn hóa - xã hội (dân cư, tập quán văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa...);

g) Thông tin, dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các ngành và địa phương;

h) Các thông tin, dữ liệu khác có liên quan.

4. Căn cứ thông tin, dữ liệu đã thu thập, tổng hợp để quyết định tiến hành điều tra, khảo sát bổ sung hoặc ước tính dựa trên thông tin, dữ liệu sẵn có.

Điều 6. Đánh giá hiện trạng vùng bờ khu vực lập chương trình

Hiện trạng vùng bờ phải được đánh giá trên cơ sở thông tin, dữ liệu thu thập, tổng hợp theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Các nội dung đánh giá bao gồm:

1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Phân tích, đánh giá và xác định tính đặc trưng về địa chất, địa hình; địa mạo; chế độ gió, sóng, dòng chảy, thủy triều;

b) Phân tích, đánh giá và xác định tính đặc trưng về hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, bao gồm vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan;

c) Phân tích, đánh giá và xác định tính đặc trưng về đa dạng sinh học và sự phân hóa các hệ sinh thái vùng bờ, bao gồm rừng ngập mặn, rong biển, cỏ biển, rạn san hô, cồn cát ven biển, bãi triều, hệ sinh thái cửa sông và bãi bồi;

d) Phân tích, đánh giá đặc điểm và sự biến động của các dạng tài nguyên, bao gồm đất, nước, sinh vật, khoáng sản, năng lượng tái tạo (gió, sóng, thủy triều, mặt trời), tài nguyên vị thế và các dạng tài nguyên khác;

đ) Phân tích, đánh giá tính dễ bị tổn thương và tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên vùng bờ.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

a) Phân tích, đánh giá về hiện trạng và nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng;

b) Phân tích, đánh giá đặc điểm văn hóa - xã hội (dân cư, tập quán văn hóa...);

c) Phân tích, đánh giá thực trạng các di sản, di tích lịch sử - văn hóa;

d) Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

đ) Phân tích, đánh giá sức ép và tác động của dân số đến tài nguyên, không gian và kinh tế - xã hội vùng bờ; thực trạng về quyền tiếp cận của người dân với biển;

e) Phân tích, đánh giá tình hình phát triển của các ngành kinh tế, cơ cấu ngành nghề, thực trạng sinh kế của cộng đồng phụ thuộc vào biển;

g) Phân tích, đánh giá rủi ro thiên tai bao gồm đánh giá hiểm họa, tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của cộng đồng.

3. Hiện trạng thể chế, chính sách quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá hệ thống chính sách, pháp luật, cơ chế điều phối, phối hợp liên quan đến quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ;

b) Phân tích, đánh giá tổ chức bộ máy, nguồn lực để quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ ở trung ương và địa phương;

c) Phân tích, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ của các bộ, ngành và địa phương;

d) Phân tích, đánh giá tình hình triển khai công tác thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

đ) Phân tích, đánh giá sự tham gia của các bên liên quan gồm các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đoàn thể tại địa phương trong quá trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;

e) Phân tích, đánh giá tình hình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường ở vùng bờ;

g) Phân tích, đánh giá tình hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

4. Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ; mức độ suy giảm tài nguyên, giá trị các hệ sinh thái ở vùng bờ do hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ của các tổ chức, cá nhân;

b) Phân tích, đánh giá mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên của các ngành, lĩnh vực, các hoạt động kinh tế;

c) Phân tích, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến đổi của các thành phần môi trường không khí, đất, nước, trầm tích; sự cố môi trường; phân tích, đánh giá, xác định các vùng rủi ro ô nhiễm môi trường;

d) Phân tích, đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động đa dạng sinh học; xác định các vùng, các hệ sinh thái nhạy cảm và dễ bị tổn thương, mức độ suy giảm đa dạng sinh học;